TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HS-ST
Ngày: 27-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Quốc Trưởng

Ông Nguyễn Thành Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trắc – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 08/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

- Lê Trọng N, sinh năm 1997 tại huyện M, tỉnh Long An; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh B (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tuyết Q; chưa có vợ con; tiền án: ngày 17-6-2022, bị Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 19-10-2022; tiền sự: không; nhân thân: ngày 11-10-2019, bị Công an huyện M xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, không chấp hành; bị tạm giam từ ngày 31-3-2023.

- *Bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1973

2. Ông Huỳnh Phú V, sinh năm 1972

Cùng nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

2. Ông Lê Thành N1, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Ấp E, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1977, nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Long An.

Bị cáo Lê Trọng N có mặt. Bà Nguyễn Thanh H, ông Huỳnh Phú V, ông Lê Thành N1 và ông Nguyễn Văn M vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 50 phút ngày 30-12-2022, bị cáo điều khiển xe mô tô ba bánh biển kiểm soát 61L6-7769 đi ngang nhà của bà Nguyễn Thanh H, nhìn thấy bên trong hàng rào nhà có 01 thùng giấy carton đựng thuốc bảo vệ thực vật nhưng không có người trông coi, bị cáo nảy sinh ý định trộm thuốc mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân nên lén lút leo rào đột nhập vào vác thùng carton (bên trong gồm có 20 gói thuốc Nativo 750WG (loại 60g/gói), 17 gói thuốc trừ sâu Regent, 01 chai thuốc trừ bệnh Anvill 5SC (01 lít), 07 gói thuốc trừ rầy Siêu check (loại 15gam/gói), 01 bịt Miralle (loại 01kg), 20 gói thuốc kích thích sinh trưởng C, 01 chai thuốc trừ bệnh Tilt Super 250ml, 07 gói Siêu trị bệnh dưa hấu (loại 100g/gói), 04 chai thuốc trừ bệnh Amistar 250SC (loại 100ml/chai), 20 gói chế phẩm diệt côn trùng Sulfaron 340EC) đưa lên xe chở đi tìm nơi tiêu thụ. Khi đi được một đoạn khoảng 02km thì có 02 chai thuốc bị rò rỉ phát mùi hôi nên bị cáo ném cả thùng thuốc xuống cặp mép đường 817 bỏ lại rồi điều khiển xe đi về nhà. Qua trích xuất camera, Cơ quan Công an đã xác định và tiến hành mời bị cáo làm việc, bị cáo thừa nhận hành vi lấy trộm số lượng thuốc nêu trên của bà H.

Tang vật thu giữ gồm: 01 thùng giấy carton và 05 tờ giấy (tờ bướm) của loại thuốc Sulfaron tại địa điểm bị cáo vứt bỏ tang vật, riêng toàn bộ số thuốc bảo vệ thực vật đã bị mất không thu hồi được. Ngoài ra còn thu giữ của bị cáo 01 xe mô tô ba bánh biển kiểm soát 61L6-7769 và 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 021379.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/KLĐG ngày 30-01-2023 của Hội đồng định giá trong tụng hình sự huyện M đã kết luận số thuốc bảo vệ thực vật mà bị cáo đã lấy trộm của bà H có trị giá 3.405.000 đồng.

Trong quá trình Cơ quan điều tra tiến hành điều tra làm rõ đối với bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản của bà H thì vào khoảng 11 giờ 35 phút ngày 31-3-2023 bị cáo tiếp tục điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 6359-7905 (xe mô tô bị cáo mượn của bạn là ông Nguyễn Thành P) đi theo tuyến Quốc lộ F tìm tài sản do chủ sở hữu sơ hở quản lý để trộm cắp. Khi đến nhà của ông Lê Thành N1 quan sát thấy không có người nên bị cáo đột nhập vào kho chứa hàng lén lút lấy 01 mâm cặp máy tiện kim loại, 01 xi-lanh thủy lực của K (máy xúc đất) đưa lên xe chở đi tìm nơi tiêu thụ. Khi vừa ra khỏi nhà của ông Lê Thành N1 thì bị người dân phát hiện truy đuổi, bị cáo bỏ chạy đến ấp 7 mét, xã K, huyện T thì bị Công an xã K, huyện T cùng người dân chốt chặn bắt được cùng tang vật bàn giao cho Công an huyện M xử lý.

Tang vật thu giữ gồm: 01 mâm cặp máy tiện có đường kính 30,5cm; 01 xi-lanh thủy lực của máy Kobe 03 dài 96cm, đường kính 09cm; 01 giỏ nhựa kích thước 30cm x 35cm x 65cm; 01 xe mô tô biển kiểm soát 63S9-7905.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-ĐGTS ngày 10-4-2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện M đã kết luận: 01 mâm cặp máy tiện có trị giá 5.000.000 đồng, 01 xi-lanh thủy lực của máy Kobe 03 có trị giá 3.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của ông Lê Thành N1 là 8.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 09/CT-VKSMH ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Hóa truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa để xét xử bị cáo Lê Trọng N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Hóa giữ quyền công tố giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Trọng N phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Trọng N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng, căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Đối với 01 thùng giấy carton và 05 tờ giấy (tờ bướm) của loại thuốc Sulfaron thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thanh H và ông Huỳnh Phú V, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M trả lại cho bà H và ông V là phù hợp.

Đối với 01 mâm cặp máy tiện, 01 xi-lanh thủy lực của máy Kobe 03 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Lê Thành N1, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M trả lại cho ông N1 là phù hợp.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 63S9-7905 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Văn M. Ông M cho con là ông Nguyễn Thành P mượn xe để đi lại, sau đó ông P cho bị cáo mượn xe, bị cáo tự ý sử dụng xe vào việc trộm cắp tài sản, ông M và ông P không biết bị cáo dùng xe để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M trả lại xe mô tô cho ông M là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô ba bánh biển kiểm soát 61L6-7769 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo và bị cáo đã dùng để chở tài sản trộm cắp được. Đây là phương tiện, công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 giỏ nhựa bị cáo cho rằng bị cáo lấy trộm của ông N1. Tuy nhiên ông N1 trình bày giỏ nhựa trên không phải tài sản của ông N1 nên không có yêu cầu gì. Xét thấy giỏ nhựa không xác định được chủ sở hữu và không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Trách nhiệm dân sự: Ông Lê Thành N1 đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét. Bà Nguyễn Thanh H và ông Huỳnh Phú V bị chiếm đoạt tài sản có giá trị 3.405.000 đồng và không thu hồi lại được, bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, bà H và ông V không yêu cầu bị cáo bồi thường phần giá trị còn lại nên không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Trọng N thừa nhận hành vi đúng như cáo trạng thể hiện, thống nhất với ý kiến luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận. Bị cáo không có ý kiến khi thực hiện quyền nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ai khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện hợp pháp.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thanh H, ông Huỳnh Phú V, ông Lê Thành N1 và ông Nguyễn Văn M vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy bà H, ông V, ông N1 và ông M đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và không có yêu cầu gì đối với bị cáo, việc xét xử không ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H, ông V, ông N1 và ông M.

[3] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Hóa đã truy tố, lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở kết luận vào khoảng 10 giờ 50 phút ngày 30-12-2022, bị cáo đã lợi dụng việc gia đình bà H không có nhà nên bị cáo đã leo rào, lén lút chiếm đoạt 01 thùng thuốc bảo vệ thực vật (gồm nhiều loại thuốc khác nhau) có giá trị 3.405.000 đồng và khoảng 11 giờ 35 phút ngày 31-3-2023, bị cáo đã lợi dụng việc nhà ông N1 không người nên bị cáo đã lén lút đột nhập vào kho chứa hàng chiếm đoạt 01 mâm cặp máy tiện kim loại có giá trị 5.000.000 đồng và 01 xi-lanh thủy lực của K 03 có giá trị 3.000.000 đồng, tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 11.405.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" và thuộc trường hợp định khung "tài sản có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng". Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Hóa truy tố bị cáo Lê

Trọng N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo tự nguyện khai báo đầy đủ hành vi phạm tội trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa và có thái độ biết lỗi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", ngoài ra bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 1.000.000 đồng cho bà H và ông V theo đúng yêu cầu của bà H và ông H để khắc phục hậu quả do số thuốc bảo vệ thực vật không thu hồi được nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả". Như vậy bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo có bà ngoại là người có công với cách mạng và bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần và giá trị tài sản chiếm đoạt mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng nên mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" nên bị cáo thuộc tình tiết tăng nặng "Phạm tội từ 02 lần trở lên". Ngoài ra bị cáo đã bị kết án 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tính đến thời điểm phạm tội bị cáo chưa được xóa án tích nên bị cáo thuộc trường hợp tái phạm theo khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự, do đó bị cáo thuộc tình tiết tăng nặng "Tái phạm". Như vậy bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Áp dụng hình phạt đối với các bị cáo:

Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã bị kết án 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, sau khi chấp hành án xong bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội và sau khi bị khởi tố bị can, trong quá trình điều tra thì bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, có thể thấy bị cáo xem thường pháp luật và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo ngày càng nguy hiểm hơn cho xã hội. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là "Tái phạm" và "Phạm tội từ 02 lần trở lên". Ngoài ra như phân tích ở trên, thái độ chấp hành pháp luật của bị cáo không có, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo ngày càng nguy hiểm

hơn cho xã hội nên cần áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc đối với bị cáo, cần thiết cao hơn mức trung bình của khung hình phạt mới tương xứng với hành vi của bị cáo. Như vậy mức hình phạt do đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Hóa đề nghị đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hình phạt chính Hội đồng xét xử áp dụng đã đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo, ngoài ra bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tổng giá trị tài sản bà Nguyễn Thanh H và ông Huỳnh Phú V bị chiếm đoạt là 3.405.000 đồng và không thu hồi lại được. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, bà H và ông V không yêu cầu bị cáo bồi thường phần giá trị còn lại nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trong trường hợp bà H và ông V có yêu cầu hoặc tranh chấp, sẽ được giải quyết trong vụ án dân sự khác.

Ông Lê Thành N1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 thùng giấy carton và 05 tờ giấy (tờ bướm) của loại thuốc Sulfaron thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thanh H và ông Huỳnh Phú V, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M trả lại cho bà H và ông V là phù hợp.

Đối với 01 mâm cặp máy tiện, 01 xi-lanh thủy lực của máy Kobe 03 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Lê Thành N1, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M trả lại cho ông Lê Thành N1 là phù hợp.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 63S9-7905 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Nguyễn Văn M. Ông M cho con là ông Nguyễn Thành P mượn xe để đi lại, sau đó ông P cho bị cáo mượn xe, bị cáo tự ý sử dụng xe vào việc trộm cắp tài sản, ông M và ông P không biết bị cáo dùng xe để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M trả lại xe mô tô cho ông M là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô ba bánh biển kiểm soát 61L6-7769 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo và bị cáo đã dùng để chở tài sản trộm cắp được. Đây là phương tiện, công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 giỏ nhựa bị cáo cho rằng bị cáo lấy trộm của ông N1. Tuy nhiên ông N1 trình bày giỏ nhựa trên không phải tài sản của ông N1 nên không có yêu cầu gì. Xét thấy giỏ nhựa không xác định được chủ sở hữu và không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo Lê Trọng N bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Lê Trọng N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Trọng N 02 (hai) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 31-3-2023.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Trọng N 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27 tháng 6 năm 2023) để đảm bảo thi hành án.

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự,

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với 01 xe mô tô ba bánh biển kiểm soát 61L6-7769, số máy 162MK21N-006.068, số khung HKZ-006.068.

Tịch thu tiêu hủy 01 giỏ nhựa kích thước 30cm x 35cm x 65cm.

Tất cả các vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành dân sự huyện M đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 06/QĐ-VKSMH ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Hóa.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Lê Trọng N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Lê Trọng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thanh H, ông Huỳnh Phú V, ông Lê Thành N1 và ông Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- VKSND tỉnh Long An;
- Công an huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Minh Trọng